

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuận
Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hồ Các T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Đào Thị T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh T và T1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của nguyên đơn là anh Hồ Các T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị T1 qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 09 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống riêng tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2022, do bất đồng quan điểm sống từ đó phát sinh ra nhiều mâu thuẫn, anh chị đã ly thân tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không

còn nữa nên anh và chị T1 không thể hàn gắn được. Vì vậy, anh T khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Anh T và chị T1 có một con chung tên Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018, hiện nay sống với anh T. Khi ly hôn anh T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Hiện tại, anh có nghề nghiệp đủ khả năng nuôi con nên không có yêu cầu chị T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Theo bản khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của bị đơn là chị Đào Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T1 trình bày thống nhất với lời trình bày của anh T về thời điểm kết hôn, khoảng thời gian chung sống, về con chung, lý do vợ chồng sống ly thân, hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do vậy, chị T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Anh T và chị T1 có con chung là Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018, hiện nay sống chung với anh T, khi ly hôn chị đồng ý để cho anh T tiếp tục nuôi con chung, do anh T không có yêu cầu chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên không phải thực hiện.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Chị T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồ Các T. Anh Hồ Các T được ly hôn với chị Đào Thị T1.

- Về con chung: giao cháu Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị T1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Hồ Cát T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con với chị Đào Thị T1. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh T2 được xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Đào Thị T1 là bị đơn có nơi cư trú ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Hồ Cát T2 và anh Đào Thị T1 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 và chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

- Anh Hồ Cát T2 và anh Đào Thị T1 có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh T2 và chị T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Anh T2 và chị T1 trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã ly thân từ khoảng 6 năm 2024 cho đến nay, anh T2 có yêu cầu được giải quyết cho được ly hôn với chị T1, ý kiến của chị T1 cũng đồng ý ly hôn với anh T2.

- Đối với hôn nhân của anh T2 và chị T1 trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải về hôn nhân của anh chị được.

Xét thấy, giữa anh T2 và chị T1 không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại anh chị đã xác định không chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh T2 và chị T1 lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T2 để giải quyết cho chị T2 được ly hôn với chị T1.

[2.2] Về con chung:

- Anh T2 và chị T1 chung sống có con chung là Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018, hiện tại đang sống với anh T2, khi ly hôn anh T2 có ý kiến yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, chị T1 có ý kiến đồng ý để con chung cho anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Ý kiến con của anh chị là có nguyện vọng tiếp tục sống với anh T2. Hội đồng xét xử xét thấy để cho con chung của anh chị

được ổn định về tâm lý, việc học tập và có sự thống nhất của anh T2 và chị T1, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con anh chị, nên giao con chung là Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018 cho anh T2 được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh T2 có quyền yêu cầu chị T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do anh T2 không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T2 và chị T1 trình bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T2 đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Cát T2.

1. Về hôn nhân: Anh Hồ Các T được ly hôn với chị Đào Thị T1.

2. Về con chung: giao con chung của anh T và chị T1 là Hồ Đào Các V, sinh ngày 07/5/2018 cho anh T được tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không có yêu cầu chị T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T và chị T1 bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Hồ Cát T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T2 đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010376 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh T2 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã H, huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ